

Số: 1765/QĐ-UBND

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 30 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm 2019 của Ban Quản lý Dự án chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý Dự án chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;*

*Theo đề nghị của Ban Quản lý Dự án chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 90/BQLDANN.TH ngày 23 tháng 3 năm 2020 và ý kiến thẩm định của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2299/TTr-STC ngày 12 tháng 6 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm 2019 thuộc Ban Quản lý Dự án chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1. Quyết toán nguồn thu:

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối của BQLDA	Quyết toán
A	<b>Nguồn thu</b>		
I	<b>Tổng cộng</b>	<b>4.145.334.949</b>	<b>4.017.562.079</b>
1	Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang	1.159.269.683	1.159.269.683
2	Nguồn trích từ các dự án giao quản lý	2.986.065.266	2.814.429.022

TT	Nội dung	Dự toán điều	Quyết toán
3	Dự án bổ sung trong năm		
4	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn đã trừ các khoản thuế phải nộp		43.863.374
<b>II</b>	<b>Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng</b>		<b>1.346.717.170</b>
<b>III</b>	<b>Nguồn thu được sử dụng trong năm (III)=(I)-(II)</b>		<b>2.670.844.909</b>

## 2. Quyết toán các khoản chi:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối của BQLDA	Quyết toán
<b>B</b>	<b>Các khoản chi</b>	<b>4.145.334.949</b>	<b>2.670.844.909</b>
<b>I</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>4.089.124.478</b>	<b>2.626.604.910</b>
1	Tiền lương	1.324.363.392	1.034.542.024
2	Tiền công	80.000.000	28.920.780
3	Các khoản phụ cấp lương	172.782.720	90.754.467
4	Các khoản trích nộp theo lương	469.365.114	375.530.044
5	Chi tiền thưởng	149.714.419	50.313.000
6	Chi phúc lợi tập thể	22.615.833	199.023.000
7	Thanh toán dịch vụ công cộng	100.000.000	81.119.508
8	Chi mua vật tư văn phòng	290.000.000	100.090.615
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền	60.000.000	48.583.296
10	Chi hội nghị	34.000.000	1.720.000
11	Chi công tác phí	420.000.000	333.219.220
12	Chi thuê mướn	140.000.000	21.600.000
13	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản	160.000.000	44.270.000
14	Chi phí khác	300.000.000	216.918.956
15	Dự phòng	366.283.000	
<b>II</b>	<b>Chi không thường xuyên</b>	<b>56.210.471</b>	<b>44.239.999</b>
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản		
2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án	30.000.000	44.239.999
3	Sửa chữa lớn tài sản cố định		
4	Chi thực hiện tinh giảm biên chế (nếu có)		
5	Chi khác	26.210.471	

**Điều 2.** Giám đốc Ban Quản lý Dự án chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm rà soát, xác định tỷ lệ phân bổ giá trị quyết toán chi phí quản lý dự án cho các dự án và trích lập các quỹ trong năm 2019 theo quy định và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan kiểm tra, thanh tra đối với các nội dung công việc trên.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Ban Quản lý Dự án chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH6.

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Tuấn Quốc**